

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST

Ngày 06 tháng 5 năm 2022

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quốc Dũng

2. Ông Trần Hùng Bích

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2014/TLST-KDTM, ngày 16 tháng 12 năm 2014 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2022/QĐST-KDTM, ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: phường Q, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301103908 đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 27/7/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S1 - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP S chi nhánh An Giang. Văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL, ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người được ủy quyền lại: Ông Chu Toàn T - Chuyên viên Quản lý nợ Ngân hàng TMCP S chi nhánh An Giang.

Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2022. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân TK.

Địa chỉ: phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Minh T1, sinh năm 1964. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Thanh T2, sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ khóm Đ5, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1940.

Địa chỉ: khóm Đ5, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị K: Luật sư Trần Tiến V - Trưởng Văn phòng Luật sư Tiến V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Chu Toàn T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/3/2009, Ngân hàng TMCP P chi nhánh An Giang (sau đây gọi tắt là Ngân hàng P) ký 02 hợp đồng tín dụng với ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp TK), cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009, theo hợp đồng, Ngân hàng P cho Doanh nghiệp TK vay 750.000.000 đồng; lãi suất 0,875%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, thi công công trình; thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân: 24/3/2009. Sau đó, ngày 01/12/2009 Ngân hàng P và Doanh nghiệp TK ký phụ kiện hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/PKHĐTD về việc điều chỉnh lãi suất 1%/ tháng tính từ ngày 01/12/2009.

2. Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD, ngày 24/3/2009, theo hợp đồng, Ngân hàng P cho Doanh nghiệp TK vay 40 lượng vàng SJC; lãi suất 0,875%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân: 24/3/2009; mục đích vay bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, thi công công trình.

Bảo đảm cho các khoản vay trên ông Lê Trường G, ông Lê Minh T1, bà Lê Thị Thanh T2 và bà Phạm Thị K ký 02 hợp đồng thế chấp với Ngân hàng P, cụ thể như sau:

- Tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01084dA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 29/11/2005 thế chấp cho Ngân hàng P chi nhánh An Giang theo hợp đồng thế chấp tài sản số B0046/03/09HĐTD, ngày 24/3/2009 để bảo đảm cho khoản vay 330.000.000 đồng và 40 lượng vàng SJC, thuộc sở hữu của bà Phạm Thị K.

- Tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 1945 QSDĐ/Ad, do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23/5/2001 và giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở số 5001031344 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 23/5/2002 thế chấp cho Ngân hàng P chi nhánh An Giang theo hợp đồng thế chấp tài sản số A0046/03/09HĐTD, ngày 24/3/2009 để bảo đảm cho khoản vay 420.000.000 đồng, thuộc sở hữu của ông Lê Minh T1 và bà Lê Thị Thanh T2.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng do Doanh nghiệp TK vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng P khởi kiện Doanh nghiệp TK và được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 72/2010/QĐST-KDTM, ngày 20/8/2010.

Ngày 10/11/2010 Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra quyết định thi hành án đối với Doanh nghiệp TK theo yêu cầu của Ngân hàng P. Ngày 15/02/2011 Doanh nghiệp TK nộp 80.000.000 đồng, ngày 25/02/2011 Ngân hàng P thu 77.600.000 đồng, ngày 09/3/2011 Ngân hàng thu thêm 2.400.000 đồng để thanh toán cho hợp đồng tín dụng A0046/03/09HĐTD. Ngày 21/9/2011 Doanh nghiệp TK nộp 487.719.000 đồng để giảm vốn hợp đồng tín dụng A0046/03/09 HĐTD, dư nợ vốn còn lại 182.281.000 đồng. Ngân hàng P đã thông báo giải chấp tài sản bảo lãnh của ông T1 và bà T2 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 1945 QSDĐ/Ad, ngày 23/5/2001 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001031344, ngày 23/5/2002.

Ngày 06/9/2013 bà Trần Thị Ngọc T3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà K. Theo Bảng kê phân phối ngày 09/9/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang, Ngân hàng P được nhận 1.606.238.513 đồng. Ngày 11/9/2013, Ngân hàng dùng số tiền 1.526.000.000 đồng mua 400 chỉ vàng SJC, thu toàn bộ vốn gốc của Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09HĐTD là 40 lượng vàng SJC, Ngân hàng hỗ trợ chỗ ở cho bà K số tiền còn lại 80.000.000 đồng. Ngân hàng P đã thông báo giải chấp tài sản bảo lãnh của bà K là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01084dA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 29/11/2005.

Ngày 18/9/2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra Quyết định số 69/QĐ-CTHA quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho Ngân hàng P chi nhánh tỉnh An Giang, do Doanh nghiệp TK chưa có điều kiện thi hành án.

Ngày 14/5/2014, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định Giám đốc thẩm số 16/2014/GĐT-TKT hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 72/2010/QĐST-KDTM ngày 20/8/2010 của Tòa án tỉnh An Giang.

Kết quả thi hành án, Ngân hàng P đã được thi hành án đối với nợ gốc 40 lượng vàng SJC, khoản lãi vàng chưa thanh toán tính đến ngày 06/9/2013 là 2.507.17 phân vàng SJC. Đối với khoản nợ gốc 750.000.000 đồng, đã thanh toán được 567.719.000 đồng, còn nợ vốn 182.281.000 đồng, nợ lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 06/5/2022 là 612.738.059 đồng.

Ngày 14/9/2015 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 1844/QĐ-NHNN quyết định về việc sáp nhập Ngân hàng TMCP P vào Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng E). Theo đó, Ngân hàng E tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng P.

Do đó, Ngân hàng E yêu cầu ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân TK chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng E số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 06/5/2022 như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009, vốn lãi còn nợ là 795.019.059 đồng. Trong đó, nợ gốc 182.281.000 đồng, nợ lãi 612.738.059 đồng; gồm lãi trong hạn 56.687.500 đồng, lãi quá hạn 550.069.540 đồng, phạt quá hạn 5.981.019 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh trên phần vốn gốc kể từ ngày 07/5/2022 đến khi thanh toán xong.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009, đã thi hành xong nợ gốc 40 lượng vàng SJC, khoản lãi vàng chưa thanh toán là 2.507.17 phân vàng SJC; gồm lãi trong hạn 269,16 phân vàng, lãi quá hạn 2.208,50 phân vàng, phạt quá hạn 29.51 phân vàng. Về khoản nợ vàng lãi, Ngân hàng E không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh do bị đơn đã thanh toán xong phần vốn gốc.

Ngân hàng E không yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp và nghĩa vụ bảo lãnh do ông T1, bà T2 và bà K đã hoàn tất nghĩa vụ bảo lãnh và Ngân hàng cũng đã thông báo giải chấp đối với các tài sản thế chấp trên.

Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK, ông Lê Minh T1, bà Lê Thị Thanh T2 mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, người liên quan.

Tại phiên tòa ông G và bà T2 trình bày, Doanh nghiệp TK do ông G là chủ doanh nghiệp không vay tiền, vàng của Ngân hàng E. Ông G và bà T2 xác định, Doanh nghiệp TK có vay tiền, vàng của Ngân hàng P theo 02 Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009 và Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009 như đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng E trình bày tại phiên tòa, nhưng đã thanh toán xong từ các tài sản thế chấp của ông T1, bà T2 và bà K, đến nay không còn nợ. Ông G và bà T2 không thống nhất yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng E.

Bà Phạm Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, bà K trình bày yêu cầu bà T2, ông T1 trả cho bà 40 lượng vàng và 330.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà đã bán toàn bộ tài sản thế chấp để thi hành án cho Ngân hàng. Về việc ký hợp đồng thế chấp là do bà T2, ông T1 và ông G có hành vi làm dụng tín nhiệm của bà để ký hợp đồng thế chấp cho ông G vay tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ngày 22/11/2021 bà K có văn bản rút lại yêu cầu trên, bà trình bày sẽ tập hợp các tài liệu, chứng cứ có liên quan để khởi kiện ông G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK, ông T1 và bà T2 trong vụ án khác hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự do ông G, ông T1, bà T2 có hành vi chiếm đoạt tài sản của bà.

* Luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị K có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Tại văn bản ngày 24/3/2022 ông V trình bày, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K không có yêu cầu độc lập hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Văn bản tố tụng được thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 86 BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

Ý kiến về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn còn nợ theo 02 hợp đồng tín dụng số A0046/03/09; số B0046/03/09 ngày 24/3/2009.

- Không chấp nhận đối với lãi phạt chậm trả lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng số A0046/03/09 và số B0046/03/09 ngày 24/3/2009, do vượt quá quy định pháp luật. Đồng thời, khấu trừ tiền lãi phạt đã thanh toán vào nợ gốc và nợ lãi còn lại nếu có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S căn cứ Quyết định số 1844/QĐ-NHNN, ngày 14/9/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập Ngân hàng TMCP P vào Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK, địa chỉ phường X, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai có mặt ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK và bà Lê Thị Thanh T2; ông Lê Minh T1 vắng mặt không có lý do; bà Phạm Thị K và Luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1,

điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ngân hàng P cho ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK vay vàng và tiền theo 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009, Doanh nghiệp TK vay 750.000.000 đồng; lãi suất 0,875%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, thi công công trình; thời hạn vay 12 tháng; Ngày 01/12/2009 Ngân hàng P và Doanh nghiệp TK ký phụ kiện hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/PKHĐTD về việc điều chỉnh lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/12/2009; Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009, Doanh nghiệp TK vay 40 lượng vàng SJC; lãi suất 0,875%/tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, thi công công trình; thời hạn vay 12 tháng. Cả 02 hợp đồng tín dụng đều được giải ngân vào ngày 24/3/2009.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên ông G, ông T1, bà T2 và bà K ký 02 hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba là bà Phạm Thị K, ông Lê Minh T1 và bà Lê Thị Thanh T2 với Ngân hàng P là bên nhận thế chấp:

- Tài sản đảm bảo của bà Phạm Thị K là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.01084dA do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 29/11/2005 thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 330.000.000 đồng và 40 lượng vàng SJC.

- Tài sản đảm bảo của ông Lê Minh T1 và bà Lê Thị Thanh T2 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 1945 QSDĐ/Ad, do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23/5/2001 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001031344 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 23/5/2002 thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 420.000.000 đồng.

Quá trình thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 72/2010/QĐST-KDTM, ngày 20/8/2010 Ngân hàng P được thi hành xong nợ gốc 40 lượng vàng SJC, lãi vàng chưa thanh toán 2.507.17 phân vàng SJC. Nợ gốc 750.000.000 đồng đã thi hành được 567.719.000 đồng, còn nợ 182.281.000 đồng, lãi chưa thanh toán tạm tính đến ngày 06/5/2022 là 612.738.059 đồng.

Ngày 18/9/2013, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra Quyết định số 69/QĐ-CTHA quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho Ngân hàng P chi nhánh tỉnh An Giang, do Doanh nghiệp TK chưa có điều kiện thi hành án.

Do đó, sau khi Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra Quyết định số 69/QĐ-CTHA quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho Ngân hàng P và Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định Giám đốc thẩm số 16/2014/GĐT-TKT, ngày 14/5/2014 hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 72/2010/QĐST-KDTM ngày 20/8/2010 thì khoản nợ ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK còn phải thanh toán cho Ngân hàng E nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009, tạm tính đến ngày 06/5/2022 là 795.019.059 đồng. Trong đó, nợ gốc 182.281.000 đồng, nợ lãi 612.738.059 đồng, gồm, lãi trong

hạn 56.687.500 đồng, lãi quá hạn 550.069.540 đồng, phạt quá hạn 5.981.019 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh trên phần vốn gốc từ ngày 07/5/2022 đến khi thanh toán xong. Riêng Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009 đã thi hành xong nợ gốc 40 lượng vàng SJC, khoản lãi vàng chưa thanh toán tính đến ngày 06/9/2013 là 2.507.17 phân vàng SJC, gồm, lãi trong hạn 269,16 phân vàng, lãi quá hạn 2.208,50 phân vàng, phạt quá hạn 29.51 phân vàng, Ngân hàng E không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh trên khoản vàng lãi chưa thanh toán, do bị đơn đã thanh toán xong phần vốn gốc.

Ngân hàng E không yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp và nghĩa vụ bảo lãnh do ông T1, bà T2 và bà K đã hoàn tất nghĩa vụ bảo lãnh và Ngân hàng cũng đã thông báo giải chấp đối với các tài sản thế chấp trên.

[3] Quá trình tố tụng ông G, ông T1 và bà T2 mặc dù đã được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chính đương sự.

[3.1]. Tại phiên tòa ông G và bà T2 trình bày, Doanh nghiệp TK không vay tiền, vàng của Ngân hàng E. Ông G và bà T2 xác định, Doanh nghiệp TK do ông Lê Trường G là chủ doanh nghiệp có vay tiền, vàng của Ngân hàng P theo 02 Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009 và Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009 như diễn biến tại tòa, nhưng đã thanh toán xong từ các tài sản thế chấp của ông T1, bà T2, bà K theo thông báo của Ngân hàng P về việc giải chấp tài sản, đến nay không còn nợ.

[3.2]. Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án, bà K yêu cầu bà T2, ông T1 trả 40 lượng vàng và 330.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà đã bán toàn bộ tài sản thế chấp để thi hành án cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ngày 22/11/2021 bà Khôi có văn bản rút lại yêu cầu trên, bà trình bày sẽ tập hợp các tài liệu, chứng cứ có liên quan để khởi kiện ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK, ông Lê Minh T1 và bà Lê Thị Thanh T2 trong vụ án khác hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự do ông G, ông T1, bà T2 có hành vi chiếm đoạt tài sản của bà.

[3.3]. Luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị K trình bày tại văn bản ngày 24/3/2022, với nội dung: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K không có yêu cầu độc lập hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Qua lời trình bày của đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK là bị đơn; ông Lê Minh T1 và bà Lê Thị Thanh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải là đương sự đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định

tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông G và bà T2 khẳng định ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK có vay tiền, vàng của Ngân hàng P như trình bày trên và có nhận đúng, đủ 750.000.000 đồng và 40 lượng vàng SJC như Giấy đề nghị giải ngân (kiêm khế ước nhận nợ) ngày 24/3/2009 thể hiện, ông G xác định chữ ký là của ông, con dấu đóng trên Giấy đề nghị giải ngân (kiêm khế ước nhận nợ) là của Doanh nghiệp TK, ông không yêu cầu trưng cầu giám định con dấu, chữ ký, nhưng ông G và bà T2 cho rằng đã thanh toán xong từ các tài sản thế chấp của ông T1, bà T2, bà K. Xét thấy, ngoài lời trình bày tại phiên tòa, ông G, bà T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán xong các khoản nợ, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng E, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009; Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009; Phụ kiện hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/PKHĐTD1 về việc điều chỉnh lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/12/2009; Giấy đề nghị giải ngân (kiêm khế ước nhận nợ) ngày 24/3/2009; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số B0046/03/09 HĐTC ngày 24/3/2009; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số A0046/03/09 HĐTC ngày 24/3/2009; Thông báo điều chỉnh lãi suất đối với Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD; Quyết định số 69/QĐ-CTHA, ngày 18/9/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho Ngân hàng TMCP P chi nhánh tỉnh An Giang; Quyết định số 1844/QĐ-NHNN, ngày 14/9/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập Ngân hàng TMCP P vào Ngân hàng TMCP S; Công văn số 342/2021/PĐ-CNAG, ngày 13/05/2021 của Ngân hàng TMCP S kèm Phụ lục ban hành khung lãi suất cho vay cơ bản của ngân hàng, Phụ lục ban hành khung lãi suất huy động của ngân hàng; văn bản số 4299/NHNN-CSTT, ngày 16/6/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hỗ trợ xác định mức lãi suất huy động cho vay bằng vàng; các bảng kê, phiếu chi thanh toán, thông báo giải chấp tài sản để yêu cầu bị đơn ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK trả vốn gốc, nợ lãi chưa thanh toán là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận, gồm nợ phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số A0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009, tạm tính đến ngày 06/5/2022 là 789.038.040 đồng. Trong đó, nợ gốc 182.281.000 đồng; lãi trong hạn 56.687.500 đồng; lãi quá hạn 550.069.540 đồng. Đối với khoản lãi phạt quá hạn 5.981.019 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận phạt vi phạm là không phù hợp quy định pháp luật, bởi lẽ, đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, Doanh nghiệp TK ngoài việc phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn thì còn phải chịu phạt chậm trả lãi, như vậy là lãi chồng lãi. Do đó, đối với yêu cầu của Ngân hàng E về việc yêu cầu bị đơn trả lãi phạt quá hạn 5.981.019 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời, khoản lãi phạt đã thanh toán 693.633 đồng sẽ được trừ vào số tiền phải thanh toán. Theo đó, số tiền ông Lê Trường G - Chủ

Doanh nghiệp tư nhân TK phải thanh toán cho Ngân hàng E là 788.344.407 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh trên phần vốn gốc kể từ ngày 07/5/2022 đến khi thanh toán xong.

Đối với khoản nợ phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số B0046/03/09/HĐTD ngày 24/3/2009 đã thi hành xong nợ gốc 40 lượng vàng SJC, khoản lãi vàng chưa thanh toán được Hội đồng xét xử chấp nhận, gồm lãi trong hạn 269,16 phân vàng; lãi quá hạn 2.208,50 phân vàng; riêng khoản lãi phạt 29,51 phân vàng, như đã phân tích trên, đây là lãi chồng lãi, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời, khoản lãi phạt đã thanh toán 5,22 phân vàng sẽ được trừ vào số vàng phải thanh toán. Theo đó, số nợ vàng ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK phải thanh toán cho Ngân hàng E là 2.472.44 phân vàng SJC. Ngân hàng E không yêu cầu tính lãi phát sinh trên khoản vàng lãi chưa thanh toán do đã thanh toán xong phần vốn gốc là có căn cứ.

[5] Về việc Ngân hàng E không yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp và nghĩa vụ bảo lãnh do ông T1, bà T2 và bà K đã hoàn tất nghĩa vụ bảo lãnh. Xét thấy, các hợp đồng thế chấp tài sản của bà Phạm Thị K, ông Lê Minh T1 và bà Lê Thị Thanh T2 là bên thứ 3 đã được giải chấp theo Thông báo giải chấp của Ngân hàng P. Khi thụ lý giải quyết lại vụ án, Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết và đình chỉ trong vụ án này.

[6] Về án phí: Ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK. phải chịu 82.188.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (tính trên giá vàng SJC mua vào tại thời điểm xét xử ngày 06/5/2022 là 69.610.000 đồng/lượng).

Ngân hàng E phải chịu án phí trên yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 3.000.000 đồng, được trừ vào 18.578.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 012094, ngày 15/6/2010 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ngân hàng E còn được nhận lại 15.578.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân TK. Buộc ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân TK chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S 788.344.407đ (Bảy

trăm tám mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm lẻ bảy đồng). Trong đó: Nợ gốc 182.281.000 đồng; nợ lãi 606.063.407 đồng và nợ lãi vàng 2.472,44 phân vàng SJC.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân TK còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (không áp dụng đối với nợ lãi vàng 2.472,44 phân vàng SJC). Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân TK vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu trả lãi phạt quá hạn với số tiền 5.981.019 đồng và 29,51 phân vàng SJC.

4. Về án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm:

Ông Lê Trường G - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TK phải chịu 82.188.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng E phải chịu án phí trên yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 3.000.000 đồng, được trừ vào 18.578.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 012094, ngày 15/6/2010 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ngân hàng E còn được nhận lại 15.578.000 đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP;

Nguyễn Thị Hoa